

**CHUẨN ĐẦU RA**  
**NGÀNH KINH TẾ VẬN TẢI**

*(Ban hành kèm theo quyết định số /QĐ-ĐHGTVT ngày / /2016 của Hiệu trưởng trường Đại học GTVT)*

**1. Tên ngành đào tạo:** Kinh tế vận tải (Transport Economics)

**2. Mã ngành:** 52.84.01.04

**3. Trình độ đào tạo:** Đại học (Cấp bằng: Kỹ sư)

**4. Chuẩn đầu ra**

**4.1. Chuẩn về kiến thức**

Tốt nghiệp từ chương trình đào tạo, sinh viên ngành Kinh tế vận tải có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức chuyên sâu và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực đào tạo; và có các kiến thức cụ thể theo các nhóm sau.

**4.1.1. Khối kiến thức chung**

- Vận dụng được các kiến thức về nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để có được nhận thức và hình động đúng trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp giáo dục;

- Đánh giá và phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức hành động phù hợp để bảo vệ tổ quốc;

- Cập nhật được các thành tựu mới của công nghệ thông tin trong nghề nghiệp, sử dụng được các công nghệ và các thiết bị hiện đại trong học tập, nghiên cứu khoa học và công tác chuyên môn;

- Ứng dụng các kiến thức về toán và khoa học cơ bản vào ngành Kinh tế vận tải;

- Đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản về thể dục thể thao vào quá trình tập luyện, tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần của cá nhân và cộng đồng.

**4.1.2. Khối kiến thức chung theo lĩnh vực**

- Nắm vững kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực kinh tế vận tải như: Tài chính tiền tệ, kinh tế học, nguyên lý thống kê, pháp luật kinh tế, kinh tế phát triển, văn hóa kinh doanh, kinh tế vận tải, kinh tế lượng, nguyên lý kế toán, chiến lược kinh doanh;

- Nắm vững kiến thức về tin học để khai thác các ứng dụng phần mềm mô phỏng vận dụng trong ngành.

#### **4.1.3. Khối kiến thức chung của khối**

- Nắm vững các kiến thức cơ sở ngành Kinh tế vận tải như: Marketing dịch vụ vận tải, địa lý giao thông, hệ thống vận tải thống nhất, bảo hiểm giao thông vận tải, thương vụ vận tải, tổ chức xếp dỡ, điều tra kinh tế, quản lý chất lượng dịch vụ, kế toán doanh nghiệp vận tải, định mức kinh tế kỹ thuật trong doanh nghiệp vận tải, thị trường tài chính, tài chính doanh nghiệp vận tải, thống kê vận tải;

- Hiểu rõ về cơ sở vật chất của ngành kinh tế vận tải như cơ sở hạ tầng giao thông vận tải (hệ thống đường, nhà ga, bến cảng, kho bãi,...) để từ đó nhận thức tổng quát về các công việc của mình sẽ làm trong tương lai.

#### **4.1.4. Khối kiến thức chung của nhóm ngành**

Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh tế vận tải:

- Phân tích, xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề về sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực vận tải;

- Áp dụng kiến thức trong việc điều hành sản xuất, phát triển mạng lưới vận tải.

#### **4.1.5. Khối kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học như kiến thức chuyên ngành và bổ trợ bao gồm cả kiến thức thực tập và tốt nghiệp**

- Sinh viên được đi thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thuộc lĩnh vực kinh tế vận tải để có những kiến thức thực tiễn phục vụ cho công việc tại các đơn vị quản lý, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực vận tải sau khi tốt nghiệp;

- Tùy theo từng chuyên ngành học cụ thể sinh viên giải quyết chuyên sâu vấn đề trong lĩnh vực Kinh tế vận tải đường sắt, kinh tế vận tải thủy bộ, kinh tế vận tải ô tô, kinh tế vận tải du lịch, kinh tế vận tải hàng không.

### **4.2. Chuẩn về kỹ năng**

#### **4.2. 1. Kỹ năng nghề nghiệp**

- Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề:

+ Trang bị cho sinh viên khả năng phân tích và xây dựng kế hoạch vận tải trong ngành Kinh tế vận tải;

+ Có khả năng tư vấn, phản biện các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực vận tải thông qua các bài tập lớn, thiết kế môn học;

+ Có khả năng quản lý, điều hành, khai thác hiệu quả các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực kinh tế vận tải.

- Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề:

+ Phân tích và nhận diện được các vấn đề nảy sinh trong quá trình quản lý điều hành kinh doanh vận tải, để xác định được phương án giải quyết phù hợp;

+ Có kỹ năng tổng hợp thông tin, hình thành ý tưởng, thu thập xử lý thông tin, triển khai và hoàn tất một nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế vận tải.

- Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức:

+ Tìm kiếm, khai thác, xử lý các thông tin cập nhật về những tiến bộ khoa học chuyên ngành và liên ngành để nghiên cứu, vận dụng vào thực tế, phục vụ cho học tập, bồi dưỡng phát triển nghề nghiệp;

+ Xác định được các vấn đề nghiên cứu, vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học vào việc thực hiện có hiệu quả các dự án cụ thể trong lĩnh vực kinh tế vận tải.

- Kỹ năng tư duy một cách hệ thống:

+ Nhận diện, so sánh và phân tích được các vấn đề một cách có hệ thống;

+ Vận dụng kiến thức nhiều môn học được trang bị để giải quyết vấn đề;

+ Có khả năng phân tích, giải thích và đánh giá một phương pháp điều hành, quản lý khai thác,...trên cơ sở vận dụng một cách có hệ thống kiến thức chuyên môn ngành hoặc chuyên ngành,...

- Khả năng nhận biết và phân tích bối cảnh và ngoại cảnh tác động đến cơ sở làm việc, ngành: Đánh giá, phân tích được những thay đổi, biến động trong bối cảnh xã hội, hoàn cảnh và môi trường làm việc để kịp thời đề ra các ý tưởng, biện pháp thích ứng, điều chỉnh và cải tiến kế hoạch nhằm đạt mục tiêu công việc,...

- Kỹ năng nhận biết và phân tích tình hình trong và ngoài đơn vị làm: Có kỹ năng nhận biết và phân tích tình hình trong đơn vị mình công tác để từ đó đóng góp các ý kiến cho người quản lý phát triển đơn vị.

- Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá những dữ liệu và thông tin thu được, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực được đào tạo.

- Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp:

+ Tự đánh giá được năng lực bản thân để có kế hoạch tự học, bồi dưỡng phát triển nghề nghiệp thường xuyên;

+ Có kỹ năng lựa chọn phương án, thu thập xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, đối chiếu thông tin mới với những điều bản thân đã biết;

+ Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề thông qua việc phân tích các thành tố của tình huống có vấn đề, đặt được các câu hỏi nghiên cứu, các giả thuyết, các phương án;

+ Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu trên cơ sở đối chiếu các yêu cầu của nghề nghiệp và yêu cầu thực tiễn với phẩm chất, năng lực của bản thân.

#### **4.2.2. Kỹ năng mềm**

- Kỹ năng tự chủ:

+ Nắm vững và thực hiện được kỹ năng tự chủ trong các hoạt động chuyên môn;

+ Thực hiện được kỹ năng thích ứng với sự phức tạp của hoàn cảnh thực tế;

+ Có kỹ năng quản lý thời gian đáp ứng công việc.

- Kỹ năng làm việc theo nhóm:

+ Có kỹ năng tổ chức hoạt động nhóm làm việc;

+ Có kỹ năng hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp;

+ Chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung.

- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo:

+ Có kỹ năng ra quyết định;

+ Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra công việc.

- Kỹ năng giao tiếp:

+ Lựa chọn và sử dụng các hình thức giao tiếp hiệu quả, phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp;

+ Giao tiếp thành thực bằng ngôn ngữ tiếng Việt, tạo lập được các văn bản phổ thông;

+ Trang bị cho sinh viên những kỹ năng trình bày, giải thích những giải pháp phức tạp, giải pháp thay thế,... thông qua các báo cáo kỹ thuật theo tiêu chuẩn chuyên nghiệp (đề án môn học, đề án tốt nghiệp, hoặc các báo cáo thuyết trình chuyên môn, các đề tài nghiên cứu khoa học);

+ Có kỹ năng giao tiếp với các đối tượng giao tiếp khác nhau và các bối cảnh văn hóa – xã hội khác nhau.

- Kỹ năng vững vàng trong tổ chức làm việc theo nhóm (Tổ chức, kiểm soát việc thực hiện, trao đổi tìm phương án hợp lý nhất).

- Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ:

+ Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn;

+ Đạt chuẩn ngoại ngữ bậc 3 theo khung ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

- Các kỹ năng mềm khác:

+ Có năng lực tư duy, diễn đạt được chính xác, trình bày được mạch lạc các vấn đề chuyên môn;

+ Có kỹ năng tin học cơ sở, sử dụng các phần mềm chuyên ngành và khai thác hiệu quả Internet phục vụ công tác của mình;

+ Có khả năng tra cứu, tìm kiếm tư liệu trên mạng và bước đầu biết áp dụng tin học và công tác lưu trữ và xử lý thông tin liên quan đến công việc chuyên môn của mình.

### **4.3. Chuẩn về phẩm chất đạo đức**

#### **4.3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân**

- Có lý tưởng, hoài bão, phấn đấu học tập, rèn luyện để phục vụ tổ quốc;

- Có ý thức bảo vệ môi trường và cải thiện cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn; sống nhân văn và hướng thiện.

#### **4.3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp**

Làm việc chuyên nghiệp, độc lập, sáng tạo giữ tâm sáng trong nghề nghiệp.

#### **4.3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội**

- Tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước;
- Hiểu biết bản sắc dân tộc, hiểu biết về an ninh quốc phòng.

### **5. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

- Các cơ quan quản lý Nhà nước: Bộ Giao thông vận tải (GTVT), Tổng cục đường bộ, Cục đường sắt, Cục đường thủy nội địa, Cục hàng hải Việt Nam, tổng cục Du lịch, Cục hàng không Việt Nam, Sở GTVT, Sở du lịch ...

- Các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, ô tô, vận tải thủy, hàng không, đường sắt, hàng hải, du lịch, các cảng sông, cảng biển, cảng hàng không sân bay, các đơn vị kho vận, hậu cần, xuất nhập khẩu, các công ty logistics...

- Các viện nghiên cứu, trường đào tạo về GTVT, du lịch, hàng không, đường sắt, đường bộ, đường thủy...

### **6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

Có khả năng học tập tiếp tục ở trình độ cao hơn sau khi ra trường.

Có khả năng học tập văn bằng 2 các ngành kinh tế khác, đối với các ngành không thuộc khối ngành kinh tế có thể cần học bổ sung các học phần cần thiết theo yêu cầu của ngành học bằng 2.

Đủ kiến thức tương đương để có thể được chấp nhận theo học các chương trình sau đại học ở nước ngoài.

### **7. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo.**

Tham khảo chương trình đào tạo đại học của các trường đại học có uy tín trên thế giới về ngành GTVT như Đại học tổng hợp Giao thông Vận tải Matxcova (MIIT), Đại học Giao thông Đường bộ Matxcova (MADI), Đại học giao thông đường sắt Saint Peterburg, Đại học tổng hợp kỹ thuật TU Dresden, Đại học Giao thông Tây Nam (Trung Quốc).

Sử dụng các tài liệu (textbook) chuẩn mực về các lĩnh vực kinh tế vận tải đang được sử dụng phổ biến trên các trường đại học của Nga, Đức, Trung Quốc,...

